TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - L phúc**
Số: 369/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 28tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀSỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1985; địa chỉ: đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Nguyễn Thị Nữ L, sinh năm 1990; địa chỉ: đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ Lcó đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường An, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 25/02/2016. Nguyễn nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D và chị L không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D và chị L được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung:

Nguyễn Đức Trí N, sinh ngày 20/4/2016;

Hiện nay cháu Nguyễn Đức Trí N đang sống chung với chị L. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Đức Trí N cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2019 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn, anh D và chị L đã nộp đủ tại biên lai số AA/2013/007884 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ Lthuận tình ly hôn.

Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường An, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, tại số 11/2016.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L thoả thuận giao cháu Nguyễn Đức Trí N cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/thángkể từ tháng 06/2019 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị Nữ L phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết ly hôn, anh D và chị L đã nộp đủ tại biên lai số AA/2013/007884 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Văn Đức Hòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSNDTP Huế;
- THATP Huế;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND phường Trường An, thành phố H;
-Lưu.